

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ, đề án, báo cáo

STT	Nội dung	Mức phí
I	Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất	
1	Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất, báo cáo kết quả thi công giếng khai thác, báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô lớn hơn 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm.	950.000
2	Đề án thăm dò nước dưới đất, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất, báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm.	3.800.000
3	Đề án thăm dò nước dưới đất, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất, báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm.	4.500.000
4	Đề án thăm dò nước dưới đất, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất, báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.	5.700.000
5	Đề án thăm dò nước dưới đất, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất, báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm.	6.400.000
II	Thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	1.750.000
III	Thẩm định đề án khai thác nước mặt, nước biển	
1	- Đề án khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt) và thi công xây dựng công trình có quy mô khai thác lớn hơn 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm; - Đề án khai thác nước mặt cho mục đích sinh hoạt có quy mô khai thác lớn hơn 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm hoặc cho mục đích sinh hoạt có quy mô khai thác lớn hơn 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm đối với khu vực biên giới, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	950.000

2	- Đề án khai thác nước mặt cho các mục đích sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình có quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm; - Đề án khai thác nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác lớn hơn 0,5 m³/giây đến dưới 2,5 m³/giây và dung tích toàn bộ lớn hơn 0,5 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ lớn hơn 0,5 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³; - Đề án khai thác nước mặt đối với công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình cống, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng cống, trạm bơm) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước lớn hơn 0,5 m³/giây đến dưới 2,5 m³/giây; - Đề án khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy lớn hơn 50 kw đến dưới 7.500 kw; - Đề án khai thác nước mặt đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch lớn hơn 30 m đến dưới 50 m hoặc đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước lớn hơn 5 m đến dưới 50 m; - Đề án khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đất liền có quy mô khai thác lớn hơn 100.000 m³/ngày đêm dưới 250.000 m³/ngày đêm.	4.000.000
3	- Đề án khai thác nước mặt cho các mục đích sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình có quy mô từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 20.000 m³/ngày đêm; - Đề án khai thác nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2,5 m³/giây đến dưới 5 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 5 triệu m³ đến dưới 10 triệu m³; - Đề án khai thác nước mặt đối với công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình cống, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình	4.800.000

	thủy lợi (không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng cống, trạm bơm) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ 2,5 m³/giờ đến dưới 5 m³/giờ; - Đề án khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 7.500 kw đến dưới 15.000 kw; - Đề án khai thác nước mặt đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 50 m đến dưới 100 m hoặc đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m; - Đề án khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đất liền có quy mô khai thác từ 250.000 m³/ngày đêm đến dưới 500.000 m³/ngày đêm.	
4	- Đề án khai thác nước mặt cho các mục đích sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình có quy mô từ 20.000 m³/ngày đêm đến dưới 35.000 m³/ngày đêm; - Đề án khai thác nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/giờ đến dưới 7,5 m³/giờ và dung tích toàn bộ từ dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m³ đến dưới 15 triệu m³; - Đề án khai thác nước mặt đối với công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình cống, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng cống, trạm bơm) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ 5 m³/giờ đến dưới 7,5 m³/giờ; - Đề án khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 15.000 kw đến dưới 22.500 kw; - Đề án khai thác nước mặt đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 100 m đến dưới 150 m hoặc đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100 m đến dưới 150 m;	6.000.000

	- Đề án khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đất liền có quy mô khai thác từ 500.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 750.000 m ³ /ngày đêm.	
5	- Đề án khai thác nước mặt cho các mục đích sinh hoạt, Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình có quy mô từ 35.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm; - Đề án khai thác nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 7,5 m³/giờ đến dưới 10 m³/giờ và dung tích toàn bộ từ dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 15 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³; - Đề án khai thác nước mặt đối với công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình cống, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng cống, trạm bơm) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ 7,5 m³/giờ đến dưới 10 m³/giờ; - Đề án khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 22.500 kw đến dưới 30.000 kw; - Đề án khai thác nước mặt đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 150 m đến dưới 200 m hoặc đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 150 m đến dưới 200 m; - Đề án khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đất liền có quy mô khai thác từ 750.000 m³/ngày đêm đến dưới 1.000.000 m³/ngày đêm.	6.800.000
IV	Thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép	
1	Thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất, nước mặt, nước biển	Bằng 50% mức phí quy định tại mục I, III Bảng này
2	Thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất; thẩm định hồ sơ, điều kiện trong trường hợp gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Bằng 30% mức phí quy định tại mục I, II Bảng này